

CÔNG TY CỔ PHẦN FIINRATINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN FIINRATINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN FIINRATINGS

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh

Số 0103022902 cấp ngày 11 tháng 3 năm 2008

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103022902 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 11 tháng 3 năm 2008. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh được thay thế bằng Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102674865 kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2010.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0102674865 cấp ngày 13 tháng 4 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102674865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 13 tháng 4 năm 2010 để thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103022902 được cấp ngày 11 tháng 3 năm 2008. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 22) được cấp vào ngày 12 tháng 11 năm 2025.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Thuần	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Hiệu	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch
	(đến ngày 17 tháng 7 năm 2025)
Ông Nguyễn Minh Tú	Thành viên
	(đến ngày 8 tháng 12 năm 2025)
Ông Ritesh Maheshwari	Thành viên
	(từ ngày 8 tháng 12 năm 2025)
Ông Sarat Kuma Sattiraju	Thành viên
	(từ ngày 8 tháng 12 năm 2025)
Bà Vũ Thị Hoàn	Thành viên
	(từ ngày 8 tháng 12 năm 2025)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Thuần	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tú	Phó Tổng Giám đốc
	(đến ngày 5 tháng 9 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Hồng Khang	Trưởng ban
Bà Bùi Minh Thu	Thành viên
Ông Đặng Đình Trường	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Quang Thuần	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

Trụ sở chính

Tầng 10, Tòa nhà Peakview Tower, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN FIINRATINGS

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần FiinRatings (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 28. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Quang Thuân
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 17 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN FIINRATINGS**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần FiinRatings (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025 và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 17 tháng 4 năm 2026. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0298-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 4498
Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2026



Chu Ngọc Long
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
6931-2025-006-1

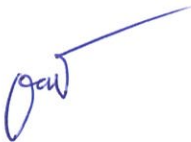
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		67.291.792.321	37.285.469.837
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.961.382.961	7.210.595.260
111	Tiền		3.961.382.961	7.210.595.260
112	Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	-
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		49.000.000.000	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	49.000.000.000	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		9.089.388.149	29.962.433.397
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	8.171.294.043	29.707.516.857
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		23.729.050	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	894.365.056	666.916.540
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(412.000.000)
150	Tài sản ngắn hạn khác		241.021.211	112.441.180
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	7(a)	241.021.211	112.441.180
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.282.077.476	1.737.601.743
210	Các khoản phải thu dài hạn		832.690.000	842.690.000
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	832.690.000	842.690.000
220	Tài sản cố định		-	10.354.274
221	Tài sản cố định hữu hình	8	-	10.354.274
222	Nguyên giá		305.596.455	305.596.455
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(305.596.455)	(295.242.181)
240	Tài sản dở dang dài hạn		28.500.000	-
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		28.500.000	-
260	Tài sản dài hạn khác		420.887.476	884.557.469
261	Chi phí trả trước dài hạn	7(b)	420.887.476	884.557.469
270	TỔNG TÀI SẢN		68.573.869.797	39.023.071.580

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		5.932.837.893	5.702.823.267
310	Nợ ngắn hạn		5.929.041.049	5.702.823.267
311	Phải trả người bán ngắn hạn	9	915.830.355	1.732.638.689
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	481.706.045	347.034.402
314	Phải trả người lao động	11	2.446.112.384	2.629.936.921
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	12	819.717.933	100.000.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	13	1.265.674.332	893.213.255
330	Nợ dài hạn		3.796.844	-
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		3.796.844	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		62.641.031.904	33.320.248.313
410	Vốn chủ sở hữu		62.641.031.904	33.320.248.313
411	Vốn góp của chủ sở hữu	14, 15	28.998.040.000	25.000.000.000
411a	- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết		28.998.040.000	25.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	15	27.986.242.908	-
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	15	5.656.748.996	8.320.248.313
421a	- LNST chưa phân phối của các năm trước		5.320.248.313	8.489.660.511
421b	- LNST chưa phân phối năm nay/ (Lỗ sau thuế của năm nay)		336.500.683	(169.412.198)
440	TỔNG NGUỒN VỐN		68.573.869.797	39.023.071.580


Đỗ Thị Oanh
Người lập biểu/
Phó phòng kế toán


Vũ Thị Hoàn
Kế toán trưởng
Giám đốc tài chính


Nguyễn Quang Thuần
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 17 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.348.504.739	19.755.940.651
02 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	23.348.504.739	19.755.940.651
11 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(12.636.678.508)	(14.808.107.090)
20 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.711.826.231	4.947.833.561
21 Doanh thu hoạt động tài chính	20	848.631.480	206.629.263
22 Chi phí tài chính		(1.538.553)	(5.525.588)
25 Chi phí bán hàng	21	(4.801.804.683)	(3.461.399.899)
26 Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(6.464.939.028)	(1.856.018.883)
30 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		292.175.447	(168.481.546)
31 Thu nhập khác		210.067.932	215.090.909
32 Chi phí khác		(13.665.192)	(216.021.561)
40 Lãi/(lỗ) khác		196.402.740	(930.652)
50 Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		488.578.187	(169.412.198)
51 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	23	(148.280.660)	-
52 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23	(3.796.844)	-
60 Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		336.500.683	(169.412.198)
70 Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phần	16	129	(68)
71 Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phần	16	129	(68)



Đỗ Thị Oanh
Người lập biểu/
Phó phòng kế toán



Vũ Thị Hoàn
Kế toán trưởng
Giám đốc tài chính



Nguyễn Quang Thuân
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 17 tháng 4 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	488.578.187	(169.412.198)
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	10.354.274	53.439.923
03	Các khoản dự phòng	-	273.400.000
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(18.984.221)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(809.634.892)	(181.950.000)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(329.686.652)	(24.522.275)
09	Giảm các khoản phải thu	20.886.107.962	3.507.136.550
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	81.581.042	(2.479.710.543)
12	Giảm chi phí trả trước	335.089.962	233.197.330
15	Thuế TNDN đã nộp	(3.643.920)	(321.289.548)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20.969.448.394	914.811.514
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(28.500.000)	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(49.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	-	4.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	809.634.892	460.850.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(48.218.865.108)	4.460.850.000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phần, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31.984.282.908	-
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(3.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	28.984.282.908	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.734.866.194	5.375.661.514
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 7.210.595.260	1.834.933.746
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	15.921.507	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 8.961.382.961	7.210.595.260

Đỗ Thị Oanh
Người lập biểu/
Phó phòng kế toán

Vũ Thị Hoàn
Kế toán trưởng
Giám đốc tài chính

Nguyễn Quang Thuần
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 17 tháng 4 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần FiinRatings (trước đây là Công ty Cổ phần FiinGroup) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103022902 ngày 11 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp. Sau đó, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102674865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 13 tháng 4 năm 2010 để thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103022902. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất (lần thứ 22) được cấp vào ngày 12 tháng 11 năm 2025.

Cổ đông chính của Công ty gồm Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam và Công ty TNHH S&P Global Asian Holdings Pte. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 14(b).

Ngoài ra, Công ty được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm số 02/GCN-DVXHTN vào ngày 20 tháng 3 năm 2020 và Giấy Chứng nhận Sửa đổi gần nhất số 02/GCNĐC2-DVXHTN vào ngày 11 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty là: (i) cung cấp dịch vụ Xếp hạng Tín nhiệm; và (ii) cung cấp dịch vụ hỗ trợ thông tin và phân tích trên thị trường vốn.

Công ty có 01 chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh được đặt tại Tầng 11, 12-12Bis Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số liệu so sánh của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 37 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 34 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính (tiếp theo)****Chế độ kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế Thông tư 200/2014/TT-BTC có hiệu lực áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026. Do đó, Công ty sẽ áp dụng Thông tư 99 từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Thông tư 99 yêu cầu đổi tên "Bảng cân đối kế toán" thành "Báo cáo tình hình tài chính"; thay đổi tên hoặc bổ sung thêm một vài chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và bổ sung thêm các thuyết minh. Đối với việc ghi nhận, đo lường và trình bày, Thông tư 99 có một số cập nhật quan trọng. Thông tư 99 cũng bổ sung quy định cho việc áp dụng các thay đổi chính sách kế toán do áp dụng lần đầu các quy định của Thông tư 99 theo phương pháp hồi tố đơn giản, hồi tố đầy đủ hoặc không hồi tố tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Ban Giám đốc của Công ty đang tiếp tục đánh giá mức độ ảnh hưởng của Thông tư 99 đến việc đo lường và trình bày các số liệu so sánh trên báo cáo tài chính của Công ty trong các năm tài chính tới.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

2.8 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Thiết bị quản lý
Phần mềm

3 – 5 năm
5 năm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.8 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)***Chi phí nghiên cứu và triển khai*

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong năm. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là TSCĐ vô hình nếu Công ty đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- Công ty dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- Công ty có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó;
- Tài sản vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- Công ty có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó;
- Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó; và
- Ước tính có đủ tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị theo quy định cho TSCĐ vô hình.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Khấu hao chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển hoàn thành và tài sản vô hình sẵn sàng để sử dụng.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ, chi phí mua dữ liệu; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ, chi phí mua dữ liệu; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

2.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu chủ yếu bao gồm các dịch vụ mà Công ty cung cấp. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phần với giá thực tế phát hành cổ phần.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.15 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được thông qua Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các nhà cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.16 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tài chính tiêu thụ dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với dịch vụ tiêu thụ trong năm tài chính, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

2.18 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.19 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm lỗ tỷ giá hối đoái.

2.20 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.22 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.23 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.24 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.8); và
- Ước tính tính mức độ hoàn thành của hợp đồng dịch vụ (thuyết minh 2.16(a)).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Tiền mặt	4.760.938	4.760.938
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.956.622.023	7.205.834.322
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	-
	8.961.382.961	7.210.595.260

(*) Bao gồm tiền gửi tại ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất là 4,8%/năm

4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31.12.2025		31.12.2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	49.000.000.000	49.000.000.000	-	-

(*) Bao gồm tiền gửi tại ngân hàng thương mại trong nước và chứng chỉ tiền gửi có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng với lãi suất là 6,0% - 7,0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba (*)	8.171.294.043	4.054.478.337
Bên liên quan (Thuyết minh 25(b))	-	25.653.038.520
	8.171.294.043	29.707.516.857

(*) Chi tiết những khách hàng bên thứ ba lớn trong tổng số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
The Secretary of State for Foreign, Commonwealth and Development Affairs at the Foreign, Commonwealth and Development Office (FCDO)	1.525.453.504	-
Công ty TNHH A1AM	1.404.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	935.000.000	935.000.000

6 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Dự thu lãi tiền gửi	764.219.177	-
Ký cược, ký quỹ	54.410.000	520.910.000
Tạm ứng cho nhân viên	7.314.272	76.479.612
Khác	68.421.607	69.526.928
	894.365.056	666.916.540

(b) Dài hạn

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Ký cược, ký quỹ	832.690.000	842.690.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí thuê máy chủ	22.975.000	22.975.000
Khác	218.046.211	89.466.180
	241.021.211	112.441.180

(b) Dài hạn

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí mua dữ liệu	308.642.469	789.265.590
Chi phí cải tạo văn phòng	17.086.923	40.380.963
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	95.158.084	54.910.916
	420.887.476	884.557.469

Biến động về chi phí trả trước trong năm tài chính như sau:

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Số dư đầu năm	996.998.649	1.230.195.979
Tăng trong năm	2.201.706.994	2.657.212.163
Phân bổ trong năm	(2.536.796.956)	(2.890.409.493)
Số dư cuối năm	661.908.687	996.998.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (“TSCĐ”)

Thiết bị quản lý
VND

Nguyên giá

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025

305.596.455

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

305.596.455

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025

(295.242.181)

Khấu hao trong năm

(10.354.274)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(305.596.455)

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025

10.354.274

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

-

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 305.595.455 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 150.280.000 Đồng).

9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2025		31.12.2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba	146.576.568	146.576.568	142.523.015	142.523.015
Bên liên quan (Thuyết minh 25(b))	769.253.787	769.253.787	1.590.115.674	1.590.115.674
	915.830.355	915.830.355	1.732.638.689	1.732.638.689

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Cán trừ VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2025 VND
Thuế GTGT	273.052.428	1.899.330.170	(462.454.979)	(1.464.805.825)	245.121.794
Thuế TNDN	-	151.924.580	-	(3.643.920)	148.280.660
Thuế TNCN	73.981.974	1.753.698.399	(83.004.897)	(1.656.371.885)	88.303.591
Thuế nhà thầu	-	13.297.729	-	(13.297.729)	-
	<u>347.034.402</u>	<u>3.818.250.878</u>	<u>(545.459.876)</u>	<u>(3.138.119.359)</u>	<u>481.706.045</u>

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Lương và thưởng cho nhân viên	<u>2.446.112.384</u>	<u>2.629.936.921</u>

12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí dịch vụ nghiên cứu thị trường	712.364.933	-
Khác	107.353.000	100.000.000
	<u>819.717.933</u>	<u>100.000.000</u>

13 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Lương và thưởng cho cộng tác viên	164.706.925	-
Kinh phí công đoàn	515.312.423	506.323.823
Khác	585.654.984	386.889.432
	<u>1.265.674.332</u>	<u>893.213.255</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN FIINRATINGS

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

14 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phần

	Cổ phần phổ thông	
	2025	2024
Số lượng cổ phần đăng ký	2.899.804	2.500.000
Số lượng cổ phần đã phát hành	2.899.804	2.500.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	2.899.804	2.500.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2025		31.12.2024	
	Cổ phần phổ thông	%	Cổ phần phổ thông	%
Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam	1.639.850	56,550	2.499.850	99,994
Công ty TNHH S&P Global Asian Holdings Pte.	1.259.804	43,444	-	-
Ông Nguyễn Quang Thuận	75	0,003	75	0,003
Ông Nguyễn Hữu Hiệu	75	0,003	75	0,003
	2.899.804	100,000	2.500.000	100,000

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phần	Cổ phần phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.500.000	25.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.500.000	25.000.000.000
Cổ phần mới phát hành (Thuyết minh 15)	399.804	3.998.040.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	2.899.804	28.998.040.000

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng trên một cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

15 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	25.000.000.000	-	8.489.660.511	33.489.660.511
Lỗ thuần trong năm	-	-	(169.412.198)	(169.412.198)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	25.000.000.000	-	8.320.248.313	33.320.248.313
Vốn tăng trong năm (Thuyết minh 25(a)) (*)	3.998.040.000	27.986.242.908	-	31.984.282.908
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	336.500.683	336.500.683
Chia cổ tức (**)	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	28.998.040.000	27.986.242.908	5.656.748.996	62.641.031.904

- (*) Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 2 năm 2025 ("Nghị quyết số 01"), Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án mua bán, chuyển nhượng cổ phần giữa Công ty, S&P Global Asian Holdings Pte Ltd ("S&P") và công ty cổ phần FiinGroup Việt Nam ("FiinGroup").

Ngày 25 tháng 2 năm 2025, Công ty, S&P và FiinGroup đã ký kết thỏa thuận mua bán, chuyển nhượng cổ phần ("Thỏa thuận"). Theo đó, FiinGroup đã bán 860.000 cổ phần hiện hữu của Công ty cho S&P và Công ty đã phát hành thêm 399.804 cổ phần sơ cấp cho S&P, thu về tổng số tiền là 31.984.282.908 đồng. Các bên đã hoàn tất các quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận vào ngày 29 tháng 9 năm 2025.

- (**) Cũng theo Nghị quyết số 01, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án trả cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông của Công ty với tỷ lệ trả cổ tức là 1.200 đồng/cổ phần. Công ty đã thực hiện chi trả toàn bộ khoản cổ tức này trong năm 2025.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

16 LÃI/(LỖ) TRÊN CỔ PHẦN

(a) Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phần

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phần được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phần phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, điều chỉnh cho cổ phần thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phần quỹ. Chi tiết như sau:

	2025	2024
Lợi nhuận/(lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	336.500.683	(169.412.198)
Bình quân số cổ phần phổ thông đang lưu hành (cổ phần)	2.601.868	2.500.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phần (VND)	129	(68)

(b) Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phần

Công ty không có cổ phần phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phần bằng với lãi cơ bản trên cổ phần.

17 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ là 26.381,84 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 112.777 Đô la Mỹ và 61.200 Yên Nhật).

18 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2025 VND	2024 VND
Dịch vụ Xếp hạng Tín nhiệm và liên quan	18.936.848.613	16.582.899.648
Doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh 25(a)) (*)	-	961.534.870
Dịch vụ Thuê bao Phần mềm Dữ liệu	765.719.695	919.843.233
Dịch vụ Phân tích và Nghiên cứu	1.015.482.000	7.350.000
Dịch vụ khác	2.630.454.431	1.284.312.900
	23.348.504.739	19.755.940.651

(*) Theo Thỏa thuận số 03/2022/TTCSCP/FG-FGVN và Thỏa thuận số 04/2022/TTCSCP/FG-FGVN đề ngày 26 tháng 08 năm 2022, Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam – công ty mẹ cần chi trả chi phí mua dữ liệu đầu vào cho các phần mềm, chi phí khấu hao TSCĐ và các chi phí liên quan khác cho Công ty cho các nguồn lực và hạ tầng mà Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam sử dụng để cung cấp dịch vụ cho khách hàng của công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIINRATINGS

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

19 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	10.551.656.094	10.725.748.525
Chi phí thuê văn phòng	846.000.169	836.121.551
Chi phí mua dữ liệu	804.030.578	923.184.155
Chi phí dịch vụ mua ngoài	222.577.563	1.938.252.785
Chi phí công cụ, dụng cụ	149.924.211	271.079.412
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.347.038	42.661.117
Chi phí khác	54.142.855	71.059.545
	12.636.678.508	14.808.107.090

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	809.634.892	1.076.897
Lãi cho vay (Thuyết minh 25(a))	-	181.950.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	20.012.367	23.602.366
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính	18.984.221	-
	848.631.480	206.629.263

21 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	2.476.764.834	1.926.909.607
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	1.555.431.859	983.374.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	768.390.803	545.910.528
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.217.187	5.205.130
	4.801.804.683	3.461.399.899

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	4.872.679.602	912.403.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.329.448.612	526.885.782
Chi phí thuê văn phòng	138.304.469	97.093.785
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	273.400.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	790.049	5.573.676
Chi phí khác	123.716.296	40.662.312
	6.464.939.028	1.856.018.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

23 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	488.578.187	(169.412.198)
Thuế tính ở thuế suất 20%	97.715.637	(33.882.440)
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	54.361.867	-
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	33.882.440
Chi phí thuế TNDN (*)	152.077.504	-
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	148.280.660	-
Thuế TNDN - hoãn lại	3.796.844	-
Chi phí thuế TNDN (*)	152.077.504	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

24 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	17.901.100.530	13.565.061.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.320.416.978	3.011.049.095
Chi phí thuê văn phòng	984.304.638	933.215.336
Chi phí mua dữ liệu	804.030.578	923.184.155
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	1.555.431.859	983.374.634
Chi phí công cụ, dụng cụ	149.924.211	271.079.412
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	273.400.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.354.274	53.439.923
Chi phí khác	177.859.151	111.721.857
	23.903.422.219	20.125.525.872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

25 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty là một công ty cổ phần. Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam	Công ty mẹ
S&P Global Asian Holdings Pte.	Cổ đông lớn
Nikkei Inc.	Cổ đông lớn của Công ty mẹ
QUICK Corp.	Cổ đông lớn của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nexus	Bên liên quan khác
Nikkei Telecom	Bên liên quan khác
Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt/cổ đông

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	2025 VND	2024 VND
i) <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ và phí nhượng quyền</i>		
Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam (Thuyết minh 18)		961.534.870
- <i>Cung cấp dịch vụ</i>	-	941.534.870
- <i>Phí nhượng quyền tác giả</i>	-	20.000.000
ii) <i>Bán công cụ, dụng cụ, dữ liệu và tên miền</i>		
Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam	-	209.090.909
iii) <i>Thu hồi cho vay dài hạn</i>		
Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam	-	4.000.000.000
iv) <i>Lãi cho vay</i>		
Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam (Thuyết minh 20)	-	181.950.000
v) <i>Mua dịch vụ</i>		
Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam	1.250.538.049	1.715.193.578
vi) <i>Mua công cụ, dụng cụ, dữ liệu và tên miền</i>		
Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam	-	534.545.453

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

25 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2025 VND	2024 VND
vii) Các khoản chi thành viên quản lý chủ chốt Lương và các quyền lợi gộp khác	1.719.825.578	1.888.770.645
viii) Nhận tiền thanh toán công nợ Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam	24.448.686.104	-
ix) Cấn trừ công nợ Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam	1.204.352.416	-
x) Thu lãi cho vay dài hạn Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam	-	460.850.000
xi) Trả cổ tức Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam	2.999.820.000	-
xii) Tiền thu từ bán cổ phần S&P Global Asian Holdings Pte. (Thuyết minh 15)	31.984.282.908	-
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5) Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam	-	25.653.038.520
ii) Phải thu ngắn hạn khác Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam	62.435.607	64.791.671
iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 9) Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam	769.253.787	1.590.115.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

26 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2025 VND	2024 VND
Thuê văn phòng		
Dưới 1 năm	50.341.500	1.044.120.000

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 17 tháng 4 năm 2026.



 Đỗ Thị Oanh
 Người lập biểu/
 Phó phòng kế toán



 Vũ Thị Hoàn
 Kế toán trưởng
 Giám đốc tài chính



 Nguyễn Quang Thuân
 Tổng Giám đốc
 Người đại diện theo pháp luật
 Ngày 17 tháng 4 năm 2026

